



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 66 + 67

Ngày 15 tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | |
|------------|--|----|
| 16-6-2025- | Quyết định số 3005/QĐ-UBND phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý năm 2025. | 3 |
| 18-6-2025- | Quyết định số 3080/QĐ-UBND về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của Quận 3. | 41 |
| 19-6-2025- | Quyết định số 3090/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 81/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho phép thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của lực lượng bảo vệ dân phố tại phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. | 54 |

20-6-2025- Quyết định số 3099/QĐ-UBND phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở Dân tộc và Tôn giáo quản lý năm 2025.

56

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3005/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công
trực tuyến do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 1981/SNNMT-VP ngày 04 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên môi trường điện tử do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý (*kèm theo phụ lục*).

Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tham mưu thực hiện quy trình tổ chức xây dựng và giải pháp bảo đảm phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

- Rà soát, xây dựng Phương án đơn giản hóa quy trình, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ và các bộ phận cấu thành khác của thủ tục hành chính trên cơ sở đánh giá

các nguồn dữ liệu đã có và mức độ sẵn sàng tích hợp, cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Xác định giải pháp nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp định danh, mức độ bảo đảm an toàn của các phương thức xác thực điện tử; giải pháp tích hợp, chia sẻ, khai thác thông tin với các nguồn dữ liệu, dịch vụ công có liên quan và các giải pháp kỹ thuật khác.

- Triển khai số hóa thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực, tái sử dụng cơ sở dữ liệu đã được số hóa, lưu trữ số, cung cấp kết quả điện tử khi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Xây dựng quy trình điện tử, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về giao diện, truy cập, tương tác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, lưu trữ, bảo mật theo quy định.

2. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:

Phối hợp chặt chẽ trong thực hiện đơn giản hóa quy trình thủ tục; xây dựng quy trình điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

3. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố tổ chức cấu hình, triển khai đầy đủ các thủ tục toàn trình, một phần được phê duyệt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/>

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 5455/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở Tài Nguyên và Môi trường quản lý năm 2024 và Quyết định số 5844/QĐ-UBND ngày 14 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý năm 2024.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công

nghệ, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

Phụ lục

**Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến
do Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý năm 2025**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
I	Lĩnh vực Đo đạc bản đồ						
1	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	X			X		
2	Cấp, bổ sung, gia hạn, cấp lại, cấp đổi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
3	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
II	Lĩnh vực Tổng hợp						
4	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
III	Lĩnh vực Khí tượng thủy văn						
5	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	X			X		
6	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	X			X		
7	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	X			X		
IV	Lĩnh vực Tài nguyên nước						
8	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
9	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
10	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
11	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
12	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	quyền						
13	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
14	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	X			X		
15	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
16	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
17	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
18	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	X			X		
19	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	X			X		
20	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa	X			X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	vận hành						
21	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
22	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	X			X		
23	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024)	X				X	
24	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	X			X		
25	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	X			X		
26	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	X			X		
27	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mọc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	X				X	
28	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân	X				X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	dân cấp tỉnh)						
29	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	X		X	X		
30	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	X		X	X		
31	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất		X	X		X	
32	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là Ủy ban nhân dân cấp huyện)		X	X		X	
V	Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản						
33	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	X				X	
34	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản	X				X	
35	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	X				X	
36	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	X				X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
37	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	X				X	
38	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	X				X	
39	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	X				X	
40	Đóng cửa mỏ khoáng sản	X				X	
41	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	X				X	
42	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	X				X	
43	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	X				X	
44	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	X				X	
45	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	X				X	
46	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	X				X	
47	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích	X				X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch						
48	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	X				X	
49	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	X				X	
50	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	X				X	
51	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	X				X	
52	Điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	X				X	
53	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV	X				X	
54	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	X				X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
55	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	X				X	
VI	Lĩnh vực Biển và Hải đảo						
56	Công nhận khu vực biển (cấp tỉnh)	X				X	
57	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	X				X	
58	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	X				X	
59	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	X			X		
60	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh)	X			X		
61	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua mạng điện tử	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
62	Khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu	X			X		
63	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển	X				X	
64	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển	X			X		
65	Trả lại Giấy phép nhận chìm ở biển	X			X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
66	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	X				X	
67	Cấp lại Giấy phép nhận chìm ở biển	X			X		
68	Công nhận khu vực biển (cấp huyện)		X			X	
69	Giao khu vực biển (cấp huyện)		X			X	
70	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp huyện)		X		X		
71	Trả lại khu vực biển (cấp huyện)		X		X		
72	Sửa đổi, bổ sung quyết định giao khu vực biển (cấp huyện)		X			X	
VII	Lĩnh vực Môi trường						
73	Thủ tục cấp Giấy phép môi trường	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
74	Thủ tục cấp đổi Giấy phép môi trường	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
75	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
76	Thủ tục cấp lại Giấy phép môi trường	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
77	Thủ tục Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
78	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (Cấp tỉnh)	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
79	Thủ tục cấp Giấy phép môi trường		X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
80	Thủ tục cấp đổi Giấy phép môi trường		X		X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
81	Thủ tục cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường		X		X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
82	Thủ tục cấp lại Giấy phép môi trường		X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
83	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường			X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
VIII	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học						
84	Thủ tục Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ.	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
85	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
86	Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích			X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
IX	Lĩnh vực Đất đai						
87	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
88	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
89	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5455/QĐ-UBND ngày 29/11/2024
X	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn						
90	Công nhận nghề truyền thống	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
91	Công nhận làng nghề	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
92	Công nhận làng nghề truyền thống	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
93	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	X			X		
94	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp huyện)		X		X		
XI	Lĩnh vực Bảo vệ thực vật						
95	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp Tỉnh)						5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
96	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
97	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
98	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
99	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
100	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
101	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	X			X		
XII	Lĩnh vực Trồng trọt						
102	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
103	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
104	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
105	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
106	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
107	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
108	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
109	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
110	Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước	X			X		
111	Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo	X			X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.						
112	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn 2 huyện trở lên	X				X	
113	Thẩm định phương án sử dụng tầng đất mặt đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện		X			X	
114	Nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa đối với công trình có diện tích đất chuyên trồng lúa trên địa bàn huyện		X			X	
115	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa			X	X		
XIII	Lĩnh vực Giao thông vận tải						
116	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	X			X		
117	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	X			X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
118	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	X			X		
119	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	X			X		
120	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	X			X		
121	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
XIV	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ						
122	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
XV	Lĩnh vực Nông nghiệp						
123	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
124	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp huyện)		X		X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
125	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)			X	X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
XVI	Lĩnh vực Chăn nuôi						
126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
127	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
128	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
130	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	X				X	
131	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính	X				X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công						
132	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	X				X	
133	Đề nghị thanh toán kinh phí hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi	X				X	
134	Hỗ trợ chi phí nâng cao hiệu quả chăn nuôi cho đơn vị đã cung cấp vật tư phối giống, công phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		X			X	
135	Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân		X			X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	sách nhà nước						
XVII	Lĩnh vực Thú y						
136	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
137	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
138	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
139	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp Tỉnh	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
140	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
141	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
142	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
143	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
144	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
145	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp Tỉnh)	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
146	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp Tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
XVIII	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm						
147	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
148	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	X				X	
149	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công	X				X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư						
150	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	X				X	
151	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	X				X	
152	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	X				X	
153	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	X				X	
154	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	X				X	
155	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	X				X	
156	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyên mục đích sử dụng rừng sang	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	mục đích khác						5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
157	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
158	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
159	Quyết định giao rừng cho tổ chức	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
160	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
161	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
162	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	X				X	
163	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
164	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
165	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES						
166	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	X				X	
167	Xác nhận bảng kê lâm sản.	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
168	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	X			X		
169	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	X			X		
170	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	X			X		
171	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	X			X		
172	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định		X			X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	đầu tư						
173	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân		X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
174	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái		X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
175	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện		X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
176	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng		X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
177	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân		X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
178	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư			X		X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
XIX	Lĩnh vực Quản lý đê điều và phòng chống thiên tai						

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
179	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp Tỉnh)	X				X	
180	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp Tỉnh)	X				X	
181	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các Cấp Tỉnh, thành phố trực thuộc Cấp Trung ương	X				X	
182	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố	X				X	
183	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội			X		X	
184	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động			X		X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội						
185	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu			X		X	
186	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh			X		X	
XX	Lĩnh vực Thủy lợi						
187	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
188	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất;	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.						
189	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND Cấp Tỉnh quản lý	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
190	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND Cấp Tỉnh quản lý	X				X	
191	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND Cấp Tỉnh quản lý	X				X	
192	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND Cấp Tỉnh	X				X	
193	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND Cấp Tỉnh	X				X	
194	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm	X				X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	quyền của UBND Cấp Tỉnh						
195	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND Cấp Tỉnh	X				X	
196	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND Cấp Tỉnh	X				X	
197	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	X				X	
198	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	X				X	
199	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trù xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND Cấp Tỉnh.	X				X	
200	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng	X				X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.						
201	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	X				X	
202	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	X				X	
203	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	X				X	
204	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	X				X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
205	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND Cấp Tỉnh.	X				X	
206	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp Tỉnh phân cấp		X			X	
207	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND Cấp huyện		X			X	
208	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND Cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)		X			X	
209	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND Cấp huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)		X			X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
210	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND Cấp huyện		X			X	
211	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)			X		X	
212	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã			X		X	
213	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã			X		X	
XX	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản						
214	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò	X				X	
215	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc	X				X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ						
XXII	Lĩnh vực Thủy sản						
216	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
217	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
218	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ).	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
219	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
220	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
221	Xóa đăng ký tàu cá	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
							5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
222	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
223	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ số 5844/QĐ-UBND ngày 14/12/2024
224	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	X			X		
225	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	X			X		
226	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	X				X	
227	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	X			X		
228	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	X			X		
229	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ	X			X		

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai Cấp huyện trở lên)						
230	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	X			X		
231	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	X			X		
232	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	X			X		
233	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	X			X		
234	Công bố mở cảng cá loại II	X			X		
235	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)		X		X		
236	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)		X		X		
237	Công bố mở cảng cá loại III		X		X		
238	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	X				X	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
239	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	X				X	
240	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	X				X	
XXIII	Lĩnh vực Giảm nghèo						
241	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm			X		X	
242	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm			X		X	
243	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm			X		X	
244	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình			X		X	
XXIV	Lĩnh vực Quản lý doanh nghiệp						
245	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	X				X	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3080/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của Quận 3

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTNMT ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua Danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua Danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua Danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng

nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua Danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua Danh mục dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về thông qua Danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa để thực hiện dự án trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo báo cáo và đề xuất, kiến nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 2053/TTr-SNNMT-QLĐ ngày 05 tháng 6 năm 2025; của Ủy ban nhân dân Quận 3 tại Tờ trình số 129/TTr-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 của Quận 3 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch 2025.
2. Diện tích thu hồi đất năm 2025.
3. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025.
4. Diện tích đất chưa sử dụng.

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 3 có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.
3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2025 CỦA QUẬN 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3080/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch 2025

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)									
				P1	P2	P3	P4	P5	P.VTS	P9	P11	P12	P14
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Loại đất		492,27	14,76	15,31	15,48	30,75	24,81	219,75	60,38	47,73	16,34	30,53
1	Đất nông nghiệp	NNP											
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	492,27	14,76	15,31	15,48	30,75	24,81	219,75	60,38	47,73	32,77	30,53
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	220,11	9,16	8,79	10,27	16,91	14,79	72,30	28,82	21,83	18,73	18,50
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	22,96	0,19	0,09	0,10	0,16	0,13	20,88	1,14	0,04	0,10	0,12
2.4	Đất quốc phòng	CQP	2,48	-	0,01	-	0,04	-	1,86	0,11	-	0,47	-
2.5	Đất an ninh	CAN	1,41	-	-	-	0,55	0,05	0,74	-	-	0,07	-
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	48,81	0,61	0,93	0,43	2,91	1,10	36,00	3,51	0,91	1,28	1,12
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	5,70	0,11	-	0,11	0,35	0,09	4,14	0,79	0,04	0,02	0,04
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,51	0,01	-	-	0,01	-	0,48	0,01	-	0,01	-
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,96	0,04	0,01	0,12	1,29	0,01	5,05	0,39	0,01	0,03	0,02

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)									
				P1	P2	P3	P4	P5	P.VTS	P9	P11	P12	P14
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	25,43	0,42	0,70	0,18	1,19	0,54	17,41	1,89	0,85	1,21	1,03
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	2,44	-	-	-	-	-	2,09	0,35	-	-	-
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	3,68	-	0,14	-	-	-	3,55	-	-	-	-
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	2,94	-	-	-	-	-	2,90	0,03	-	-	-
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	1,15	0,03	0,09	0,02	0,07	0,46	0,37	0,06	0,01	0,02	0,03
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	31,69	0,06	0,72	0,47	1,53	1,33	22,03	2,29	1,96	0,40	0,89
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	28,97	0,06	0,67	0,47	1,51	1,33	21,14	1,27	1,25	0,38	0,89
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	2,71	0,00	0,05	-	0,01	-	0,89	1,02	0,71	0,03	-
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)									
				P1	P2	P3	P4	P5	P.VTS	P9	P11	P12	P14
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	143,54	4,64	4,63	4,14	8,22	7,28	56,61	21,16	20,43	9,26	7,17
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT	138,87	4,61	4,63	4,08	7,96	7,27	53,52	21,13	20,25	8,76	6,67
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	2,34	-	-	-	-	0,00	2,34	-	-	-	-
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,29	0,02	0,005	0,005	0,01	-	0,22	0,01	0,005	0,01	0,003
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,45	-	-	0,01	-	-	0,41	0,02	-	-	0,01
2.8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	0,79	-	-	0,04	0,25	-	-	-	-	0,49	-
2.8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	0,80	0,01	-	-	-	-	0,12	-	0,18	-	0,49
2.9	Đất tôn giáo	TON	10,32	0,10	0,10	0,07	0,36	0,03	6,08	1,79	0,42	0,72	0,66
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN	0,51	-	0,04	-	0,07	0,10	0,09	0,01	0,02	-	0,19
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ	NTD	0,27	-	-	-	-	-	0,26	0,003	0,01	-	-

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)									
				P1	P2	P3	P4	P5	P.VTS	P9	P11	P12	P14
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	sở hữu tư nhân; đất cơ sở lưu giữ tro cốt												
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	10,17						2,90	1,55	2,10	1,73	1,89
2.12.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC											
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	10,17						2,90	1,55	2,10	1,73	1,89
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK											
3	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD											

2. Diện tích thu hồi đất năm 2025

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)									
				P1	P2	P3	P4	P5	P.VTS	P9	P11	P12	P14
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đất nông nghiệp	NNP											
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	0,14							0,14			
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	-										
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	0,09							0,09			
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC											
2.4	Đất quốc phòng	CQP											

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)									
				P1	P2	P3	P4	P5	P.VTS	P9	P11	P12	P14
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT											
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	0,05							0,05			
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC											
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS											
2.8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC											
2.8.1	Đất công trình giao thông	DGT											
2.8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL											
2.8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT											
2.8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC											
2.8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD											
2.8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA											
2.8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL											
2.8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ	DBV											

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính (ha)									
				P1	P2	P3	P4	P5	P.VTS	P9	P11	P12	P14
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	<i>thông tin</i>												
2.8.9	<i>Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối</i>	<i>DCH</i>											
2.8.10	<i>Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng</i>	<i>DKV</i>											
2.9	Đất tôn giáo	TON											
2.10	Đất tín ngưỡng	TIN											
2.11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu giữ tro cốt	NTD											
2.12	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC											
2.12.1	<i>Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá</i>	<i>MNC</i>											
2.12.2	<i>Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối</i>	<i>SON</i>											
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK											

3. Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất năm 2025

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị (ha)									
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. VTS	P. 9	P. 11	P. 12	P.14
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+ ...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Chuyển đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN											
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	-											
	<i>Trong đó:</i>	-											
2.1	Chuyển đất trồng lúa sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	LUA/NNP											
2.2	Chuyển đất rừng đặc dụng sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RDD/NNP											
2.3	Chuyển đất rừng phòng hộ sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RPH/NNP											
2.4	Chuyển đất rừng sản xuất sang loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp	RSX/NNP											

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị (ha)									
				P. 1	P. 2	P. 3	P. 4	P. 5	P. VTS	P. 9	P. 11	P. 12	P.14
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
4.5	Chuyển đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ sang đất thương mại, dịch vụ	MHT/TMD											

Ghi chú:

NNP là mã đất bổ sung, bao gồm các loại đất khác trong nhóm đất nông nghiệp;

PNN là mã loại đất theo quy hoạch;

MHT là mã đất theo hiện trạng sử dụng đất.

4. Diện tích đất chưa sử dụng

Trên địa bàn Quận 3 không có đất chưa sử dụng./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3090/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 81/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho phép thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của lực lượng bảo vệ dân phố tại phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an Thành phố tại Tờ trình số 2927/TTr-CATP-PV01 ngày 20 tháng 5 năm 2025, ý kiến của Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 81/2008/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho phép thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của lực lượng bảo vệ dân phố tại phường, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Công an Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Ngọc Hải

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3099/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công
trực tuyến do Sở Dân tộc và Tôn giáo quản lý năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi

hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Công văn số 674/SDTTG-VP ngày 09 tháng 6 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên môi trường điện tử do Sở Dân tộc và Tôn giáo quản lý (kèm theo phụ lục).

Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tham mưu thực hiện quy trình tổ chức xây dựng và giải pháp bảo đảm phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

- Rà soát, xây dựng Phương án đơn giản hóa quy trình, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ và các bộ phận cấu thành khác của thủ tục hành chính trên cơ sở đánh giá các nguồn dữ liệu đã có và mức độ sẵn sàng tích hợp, cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Xác định giải pháp nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp định danh, mức độ bảo đảm an toàn của các phương thức xác thực điện tử; giải pháp tích hợp, chia sẻ, khai thác thông tin với các nguồn dữ liệu, dịch vụ công có liên quan và các giải pháp kỹ thuật khác.

- Triển khai số hóa thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực, tái sử dụng cơ sở dữ liệu đã được số hóa, lưu trữ số, cung cấp kết quả điện tử khi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Xây dựng quy trình điện tử, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về giao diện, truy cập, tương tác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, lưu trữ, bảo mật theo quy định.

2. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:

Phối hợp chặt chẽ trong thực hiện đơn giản hóa quy trình thủ tục; xây dựng quy trình điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

3. Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố tổ chức cấu hình, triển khai đầy đủ các thủ tục toàn trình, một phần được phê duyệt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/>

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Dịch vụ công trực tuyến kèm theo quyết định này thay thế dịch vụ công trực tuyến tại mục XIII. Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo trong phụ lục kèm theo Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở Nội vụ quản lý năm 2025.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

Phụ lục

**Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến
do Sở Dân tộc và Tôn giáo quản lý năm 2025**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3099/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

Stt	Tên thủ tục	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
I	Lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo						
1	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
2	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
3	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025

Stt	Tên thủ tục	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
4	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	X			X		
5	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	X				X	
6	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	X			X		
7	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh	X				X	
8	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác	X				X	
9	Thủ tục thông báo thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025

Stt	Tên thủ tục	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	pháp tại Việt Nam						
10	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	X			X		
11	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	X			X		
12	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
13	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	X				X	
14	Thủ tục thông báo thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025

Stt	Tên thủ tục	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
15	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
16	Thủ tục đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	X			X		
17	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	X			X		
18	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
19	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đối với trường hợp quyên góp không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 25 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025

Stt	Tên thủ tục	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
20	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	X				X	
21	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
22	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
23	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
24	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025

Stt	Tên thủ tục	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
25	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
26	Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
27	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
28	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025

Stt	Tên thủ tục	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	giáo						
29	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
30	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
31	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
32	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025

Stt	Tên thủ tục	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
33	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
34	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
35	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
36	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
37	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025

Stt	Tên thủ tục	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
38	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
39	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	X				X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
40	Thủ tục thông báo về việc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức các nghi lễ tôn giáo hoặc cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	X			X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025

Stt	Tên thủ tục	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
41	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo		X		X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
42	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện		X		X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
43	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện		X		X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
44	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện		X		X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
45	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện		X		X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
46	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ		X			X	Thay thế DVCTT trong Quyết

Stt	Tên thủ tục	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện						định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
47	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện		X			X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
48	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		X		X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
49	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng			X	X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
50	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng			X	X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
51	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày

Stt	Tên thủ tục	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
	trung						06/6/2025
52	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã			X	X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
53	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã			X	X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
54	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung			X	X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
55	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã			X	X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
56	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác			X		X	Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
57	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung			X	X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025

Stt	Tên thủ tục	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
58	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc			X	X		Thay thế DVCTT trong Quyết định số 2357/QĐ-UBND ngày 06/6/2025
II	Lĩnh vực công tác dân tộc						
59	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số			X	X		Đã được điều chỉnh thẩm quyền tại Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025
60	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số			X	X		Đã được điều chỉnh thẩm quyền tại Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn